

Số: /QĐ-SNNMT

Cà Mau, ngày tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt E-HSMT xây lắp**  
**Gói thầu số 05: Thi công xây dựng công trình công trình Kênh Chà Là, Kênh**  
**Thọ Điền 2, xã Long Điền**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Quyết định số 003/2025/QĐ-UBND ngày 03/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy Hoạch, Luật Đầu Tư, Luật Đầu Tư Theo Phương Thức Đối Tác Công Tư và Luật Đấu Thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Nạo vét kênh tạo nguồn (Kênh Dầu Láng – Lầm Thiết – Giồng Tra, Kênh Ngân Điền - Đốc Bét, Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, Kênh Chệt Khọt, Kênh Láng Chảo, Kênh Cờ Trắng);

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-SNNMT ngày 20/10/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (điều chỉnh) công trình: Nạo vét kênh tạo nguồn (Kênh Dầu Láng – Lầm Thiết – Giồng Tra, Kênh Ngân Điền - Đốc Bét, Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, Kênh Chệt Khọt, Kênh Láng Chảo, Kênh Cờ Trắng);

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-SNNMT ngày 24/10/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Nạo vét kênh tạo nguồn (Kênh Dầu Láng – Lầm Thiết – Giồng Tra,

*Kênh Ngân Điền - Đốc Bét, Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, Kênh Chệt Khọt, Kênh Láng Chảo, Kênh Cờ Trắng);*

*Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-SNNMT ngày 02/11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (điều chỉnh) công trình: Nạo vét kênh tạo nguồn (Kênh Đầu Láng – Lầm Thiết – Giồng Tra, Kênh Ngân Điền - Đốc Bét, Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, Kênh Chệt Khọt, Kênh Láng Chảo, Kênh Cờ Trắng);*

*Căn cứ Quyết định số 1032 /QĐ-SNNMT ngày 06/11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp & Môi trường về việc phê duyệt dự toán gói thầu và giá gói thầu (điều chỉnh) công trình: Nạo vét kênh tạo nguồn (Kênh Đầu Láng – Lầm Thiết – Giồng Tra, Kênh Ngân Điền - Đốc Bét, Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, Kênh Chệt Khọt, Kênh Láng Chảo, Kênh Cờ Trắng);*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 31/BCTĐ-HSMT ngày 11/11/2025 của Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Bắc Nam về việc thẩm định E-HSMT gói thầu số 05: Thi công xây dựng công trình: Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, xã Long Điền;*

*Theo đề nghị của Giám đốc trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tại Tờ trình số 298/TTr-TTQL,KTCTTL ngày 11/11/2025.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt E-HSMT gói thầu số 05: Thi công xây dựng công trình Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, xã Long Điền, với các nội dung sau đây:

**1. Tên gói thầu:** Gói thầu số 05: Thi công xây dựng công trình Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, xã Long Điền.

**2. Thuộc công trình:** Kênh Đầu Láng – Lầm Thiết – Giồng Tra, Kênh Ngân Điền - Đốc Bét, Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền 2, Kênh Chệt Khọt, Kênh Láng Chảo, Kênh Cờ Trắng.

**3. Nguồn vốn:** Kinh phí Trung ương hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025.

**4. Giá gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu:** 2.116.251.786 đồng.

**5. Giá gói thầu theo dự toán được duyệt:** 2.116.251.786 đồng.

**6. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng, 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.

**7. Đơn vị tư vấn lập E-HSMT:** Công ty TNHH Dịch vụ Xây dựng Kiến Nguyên.

**8. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:** Quý IV, năm 2025.

**9. Thời gian hiệu lực của E-HSDT:** 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

**10. Loại hợp đồng:** Trọn gói.

**11. Thời gian thực hiện hợp đồng:** 50 ngày.

**12. Bảo đảm dự thầu:** 31.000.000 đồng, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu là 120 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

**13. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu:** *Chi tiết phụ lục kèm theo.*

**Điều 2.** Giao Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo E-HSMT được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi, Trưởng Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Ban GD Sở (b/c);
- Lưu: VT, P.KH-TC(H).

**GIÁM ĐỐC**

**Tô Hoài Phương**

**Phụ lục**  
**Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**  
**Gói thầu số 05: Thi công xây dựng công trình Kênh Chà Là, Kênh Thọ Điền**  
**2, xã Long Điền**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNNMT ngày /11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**1. Kiểm tra hồ sơ dự thầu:**

- Hồ sơ dự thầu nộp tại: Website: <http://muasamcong.mpi.gov.vn>
- Kiểm tra các thành phần của HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu (*là bản scan Thư bảo lãnh do Nhà thầu nộp qua mạng*); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;

**2. Đánh giá tính hợp lệ hồ sơ dự thầu:**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên

đanh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11 (11A hoặc 11B hoặc 11C hoặc 11D hoặc 11E) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

### 3) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	<b>Năng lực tài chính</b>					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08A
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu	Không áp dụng	Mẫu số 08A

	(không bao gồm thuế VAT)	đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.890.000.000 VND.		cầu này		
3.3	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 635.000.000 VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tối thiểu: 635.000.000 VND;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong 50 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025;</li> <li>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	<b>Mẫu số 08B, 08C</b>
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu: Công trình thủy lợi (Công trình Nông nghiệp và PTNT), cấp: IV, có công trình hoặc hạng mục công trình tương tự gói thầu đang xét (hạng mục nạo vét kênh) trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V=1.058.125.000	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

		đồng và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq X=2.116.250.000$ đồng, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ trong đó $X=2 \times V$ . Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X$ thì được coi là đáp ứng.				
--	--	---	--	--	--	--

#### 4) Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật:

##### 4.1) Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng công trình	01	tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật có liên quan xây dựng công trình thủy lợi (hoặc có trình độ đại học trở lên chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 7.1 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024).</li> <li>- Kinh nghiệm đã chỉ huy trưởng 01 công trình cùng loại, tương tự gói thầu đang xét (kèm theo các tài liệu chứng minh như: Biên bản nghiệm thu hoặc xác nhận chủ đầu tư hoặc các tài liệu tương đương khác).</li> <li>- Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</li> </ul>
2	Cán bộ kỹ thuật thi công	01	tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật có liên quan xây dựng công trình thủy lợi (hoặc có trình độ đại học trở lên chuyên môn phù hợp theo quy định tại Mục 7.1 Phụ lục VI Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024).</li> <li>- Kinh nghiệm đã làm cán bộ kỹ thuật 01 công trình cùng loại, tương tự gói thầu đang xét (kèm theo các tài liệu chứng minh như: Biên bản nghiệm thu hoặc xác nhận chủ đầu tư hoặc các tài liệu tương đương khác).</li> <li>- Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu.</li> </ul>
3	Cán bộ phụ trách an toàn lao động	01	tối thiểu 02 năm hoặc tối thiểu 01 hợp đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng hoặc bảo hộ lao động - an toàn lao động.</li> <li>- Có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu. Trường hợp tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành bảo hộ lao động, an toàn lao động thì không yêu cầu giấy chứng nhận này.</li> </ul>

				- Kinh nghiệm đã làm cán bộ phụ trách an toàn lao động 01 công trình cùng loại, tương tự gói thầu đang xét (kèm theo các tài liệu chứng minh như: Biên bản nghiệm thu hoặc xác nhận chủ đầu tư hoặc các tài liệu tương đương khác).
--	--	--	--	---

#### 4.2) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1	Máy đào dung tích gầu V từ (0,65÷0,80) m <sup>3</sup>	04
2	Sà lan công trình phục vụ thi công	04
3	Máy thủy bình	01

*\* Ghi chú: Tất cả các thiết bị máy móc phải có giấy tờ hợp lệ*

#### 5) Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

##### 5.1) Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, chất thải, biển báo, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
2. Thi công công tác nạo vét kênh	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 1 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt

	Không thuộc các trường hợp nêu trên.	Không đạt
--	--------------------------------------	-----------

### 5.2. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Bảo đảm giao thông:	Có thuyết minh đầy đủ và khả thi.	Đạt
	Không có thuyết minh đầy đủ và khả thi hoặc có thuyết minh đầy đủ nhưng không khả thi.	Không đạt
2. Mô tả biện pháp thi công các hạng mục chính (nạo vét kênh) theo đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật	Có đề xuất về biện pháp, công nghệ thi công.	Đạt
	Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ về biện pháp, công nghệ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

### 5.3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 50 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 50 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 50 ngày.	Không đạt
2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

### 5.4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. (nếu có)	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

#### **5.5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:**

<b>Nội dung yêu cầu</b>	<b>Mức độ đáp ứng</b>	
<b>1. An toàn lao động</b>		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
<b>2. Phòng cháy, chữa cháy</b>		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
<b>3. Vệ sinh môi trường</b>		

Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

### 5.6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<b>1. Bảo hành</b>		
Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
<b>2. Uy tín của nhà thầu</b>		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu.	Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu.	Đạt
	Có một hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu nhưng lại có một hợp đồng tương tự khác được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Chấp nhận được
	Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có hợp đồng tương tự nào được giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết 1 được xác định là đạt, tiêu chuẩn chi tiết 2 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
<b>Lưu ý:</b> Trong quá trình đánh giá HSDT, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp bản chính của các tài liệu đã chứng thực để đối chiếu.		

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

**6) Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:** Phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.